

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8- 2020
V/v Tranh chấp về ly hôn, nuôi con;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thu;
2. Bà Ngô Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Số X, tổ Y, khu phố T, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đức H, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Số X, tổ Y, khu phố T, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 18 tháng 5 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh H tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Sơn (nay là phường Ninh Sơn), thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh vào năm 2001. Trong thời gian chung sống vợ

chồng không có hạnh phúc do anh H không quan tâm đến chị C, vợ chồng không có tiếng nói chung nên tình cảm lạnh nhạt; chị ra sống riêng khoảng 2 tháng nay. Chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh năm: 2002 và Lê Quốc T, sinh năm: 2007; con chung đang sống chung với anh H. Nay chị C xin ly hôn, con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Chị C trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại tòa, Bị đơn anh Lê Đức H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định anh và chị C chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2001. Do chị C nghe lời bên gia đình chị C nên bỏ nhà ra sống riêng, vợ chồng không có mâu thuẫn nghiêm trọng. Tuy nhiên, do chị C tự ý bỏ nhà và có đơn xin ly hôn với anh nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh năm: 2002 và Lê Quốc T, sinh năm: 2007; con chung đang sống chung với anh H. Nay ly hôn, anh H có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung; anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử;

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Lê Đức H;
- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh năm: 2002 và Lê Quốc T, sinh năm: 2007 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận anh H không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có;
- Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị C và anh H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị C là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Đức H tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị C trình bày quá trình anh chị chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không có hạnh phúc nên chị C xin ly hôn với anh H.

Xét thấy, anh H đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt, không tham gia hòa giải; mục đích Tòa án hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, cho thấy rằng anh H không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ và có cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh H không còn, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Lê Đức H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh năm: 2002 và Lê Quốc T, sinh năm: 2007; hiện con chung đang sống chung với anh H và cả hai con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh H. Do đó, cần giao 02 con chung cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Chị C được quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết;

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát là phù hợp với tình tiết, nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Lê Đức H.

Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Lê Đức H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh năm: 2002 và Lê Quốc T, sinh năm: 2007 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận anh H không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Chị C được quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết;

4. Về án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000062 ngày 27-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị C đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị C, anh H được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Ánh Tuyết